TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC YÊN** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2025/HNGĐ - ST
Ngày 11 - 6 - 2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC YÊN, TỈNH YÊN BÁI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Đỗ Quỳnh.
Các hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Ngọc Mai;
2. Bà Đoàn Thị Mến.

Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Diệp Linh, Thư ký Toà án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: không.

Ngày 11 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Yên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 37/2025/TLST - HNGĐ ngày 18 tháng 03 năm 2025 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2025/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 05 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Đặng Thị D**, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn BM, xã TPh, huyện LY, tỉnh YB; Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: **Anh Triệu Kim H,** sinh năm 1993.

Địa chỉ: Thôn BM, xã TPh, huyện LY, tỉnh YB; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04 tháng 03 năm 2025 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Đặng Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh H đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã Tân Phượng, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái ngày 09 tháng 6 năm 2015. Quá trình chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, khi mâu thuẫn xảy ra có được gia đình hai bên hòa giải nhưng không có kết quả,

vợ chồng số ly thân từ năm 2022 đến nay. Chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Triệu Kim H.

Về con chung: Chị D và anh H có hai con chung Triệu Thị Nh, sinh ngày 05 tháng 12 năm 2011 và Triệu Thị Thu H, sinh ngày 03 tháng 4 năm 2015 hiện các con chung đang ở cùng anh H tại BM, xã TP, huyện LY sau khi ly hôn chị D có quan điểm được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Triệu Thị Thu Huyền, Anh H nuôi dưỡng Triệu Thị Nhung, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh Triệu Kim H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tại bản tự khai ngày 26 tháng 5 năm 2025 anh H thống nhất với chị D về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn như chị D trình bày. Anh và chị D chung sống hoà thuận thời gian đầu, đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không quan tâm đến nhau. Mâu thuẫn đã được gia đình hai bên hoà giải nhưng không có kết quả. Hiện vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn đồng ý ly hôn với chị D.

- Về con chung: Anh H và Chị D có hai con chung Triệu Thị Nh, sinh ngày 05 tháng 12 năm 2011 và Triệu Thị Thu H, sinh ngày 03 tháng 4 năm 2015 hiện các con chung đang ở cùng anh H tại BM, xã TP, huyện LY, sau khi ly hôn anh H đề nghị được nuôi dưỡng hai con chung yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/ 1 tháng.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Toà án thụ lý và giải quyết vụ án xác định mối quan hệ pháp luật vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo đơn khởi kiện của Chị Đặng Thị D, do bị đơn anh H có hộ khẩu thường trú tại Thôn BM, xã TPh, huyện LY, tỉnh YB. Căn cứ quan hệ pháp luật và thẩm quyền theo lãnh thổ, được quy định tại khoản 1 Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái có thẩm quyền giải quyết.

Tại phiên tòa chị D có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị D.

[2] Đối với quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị D, anh Triệu Kim H kết hôn ngày 09 tháng 06 năm 2015 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Phượng, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Việc kết hôn này tuân thủ đúng các quy định tại Điều 8, Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Trong vụ án này qua lời khai của chị D năm 2022 chị D,

Anh H phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 *" Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thuỷ, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình".* Trên thực tế vợ chồng Chị D, Anh H thường xảy ra mâu thuẫn là đúng thực tế, phù hợp với xác nhận ngày 02 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Tân Phượng, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa Chị D, anh H đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, mặc khác Anh H đồng ý ly hôn với chị D, do đó Hội đồng xét xử, xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị D được ly hôn với anh Triệu Kim H.

[3] Về con chung: Triệu Thị Nh, sinh ngày 05 tháng 12 năm 2011 và Triệu Thị Thu H, sinh ngày 03 tháng 4 năm 2015 hiện hai con chung đang ở với anh H.

Hội đồng xét xử xét thấy: Yêu cầu của Chị D, anh H được trực tiếp nuôi con là hoàn toàn chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật. Cháu Huyền có nguyện vọng được ở với mẹ, cháu Nhung có nguyện vọng ở với bố. Hiện Chị D, anh H có chỗ ở và thu nhập ổn định đảm bảo cho việc nuôi con. Do đó, để đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống sinh hoạt, học tập. Căn cứ vào quy định của các Điều 81; 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu của chị D, cũng như ý kiến của anh H, giao Triệu Thị Thu H, sinh ngày 03 tháng 4 năm 2015 cho chị D nuôi dưỡng. Giao Triệu Thị Nh, sinh ngày 05 tháng 12 năm 2011 cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi là phù hợp. Chị D, anh H không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Chị Đặng Thị D, anh Triệu Kim H phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[6] Quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; điểm a khoản 2 Điều 11 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, hướng dẫn

một số quy định của pháp luật trong việc giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị D được ly hôn với anh Triệu Kim H.

2- Về con chung: Giao cháu Triệu Thị Thu H, sinh ngày 03 tháng 4 năm 2015 cho chị Đặng Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi; Giao cháu Triệu Thị Nh, sinh ngày 05 tháng 12 năm 2011 cho anh Triệu Kim H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi; Chị Đặng Thị D, Anh Triệu Kim H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Đặng Thị D, anh Triệu Kim H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi cần, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung hoặc yêu cầu thay đổi cấp dưỡng nuôi con chung.

3- Về án phí: Chị Đặng Thị D phải nộp 75.000,đ *(Bảy mươi lăm nghìn đồng chẵn)* tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000,đ *(Ba trăm nghìn đồng chẵn)* theo biên lai số: AA/2024/0002306 ngày 13 tháng 03 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái, Chị D được trả lại 225.000,đ *(Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng) án phí đã tạm ứng.* Xác nhận Chị D đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Anh Triệu Kim H phải nộp 75.000,đ *(Bảy mươi lăm nghìn đồng chẵn)* án phí dân sự sơ thẩm.

4- Về quyền kháng cáo: Chị Đặng Thị D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án. Anh Triệu Kim H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày tuyên án.

5- Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh;
- VKSND Huyện;
- Thi hành án dân sự Huyện;
- UBND xã Tân Phượng;
- Các đương sự;
- Lưu HS,T.A,THS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đỗ Quỳnh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đỗ Quỳnh

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh;
- VKSND Huyện;
- Thi hành án dân sự Huyện;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- UBND xã Trung Tâm;
- Các đương sự;
- Lưu HS,T.A,THS.

Nguyễn Đỗ Quỳnh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đỗ Quỳnh

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh;
- VKSND Huyện;
- Thi hành án dân sự Huyện;
- UBND xã Trung Tâm;
- Các đương sự;
- Lưu HS,T.A,THS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đỗ Quỳnh

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh;
- VKSND Huyện;
- Thi hành án dân sự Huyện;
- UBND xã Trúc Lâu;
- Các đương sự;
- Lưu HS,T.A,THS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
Nguyễn Đỗ Quỳnh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đỗ Quỳnh